



Thân thiện như chính ngôi nhà của bạn



# THIẾU MEN G6PD

Biên soạn: ThS BS Trần Thị Hồng Tâm  
Bệnh viện Nhi Đồng 2

# Thiếu G6PD

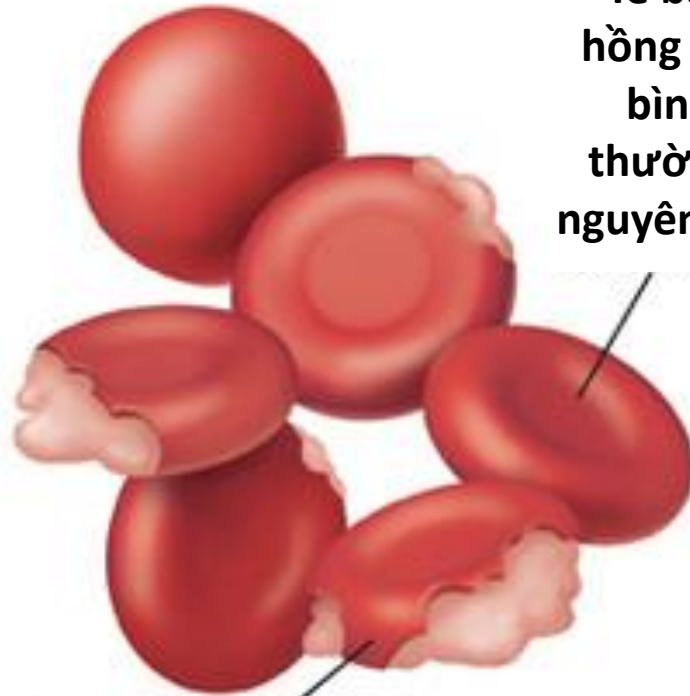
- G6PD là từ viết tắt của **Glucose-6-phosphate Dehydrogenase**. Đây là men giúp màng tế bào hồng cầu giữ nguyên vẹn.
- Đây là một bệnh thường gặp: cơ thể thiếu men G6PD. Hiện nay, trên thế giới ước tính có gần 400 triệu người thiếu men G6PD.
- Bệnh thường gặp cao nhất ở dân tộc châu Phi.
- Bệnh còn có tên là “Favism” vì người thiếu men G6PD bị dị ứng đậu Fava

# Men G6PD giúp gì cho cơ thể?

- Men G6PD giúp màng tế bào bền vững trước các tác nhân gây stress oxy hóa có trong một số thuốc, thức ăn, tác nhân bệnh truyền nhiễm.
- Nếu cơ thể thiếu men G6PD, màng tế bào hồng cầu sẽ kém bền dễ bị vỡ trước các tác nhân gây stress oxy hóa.



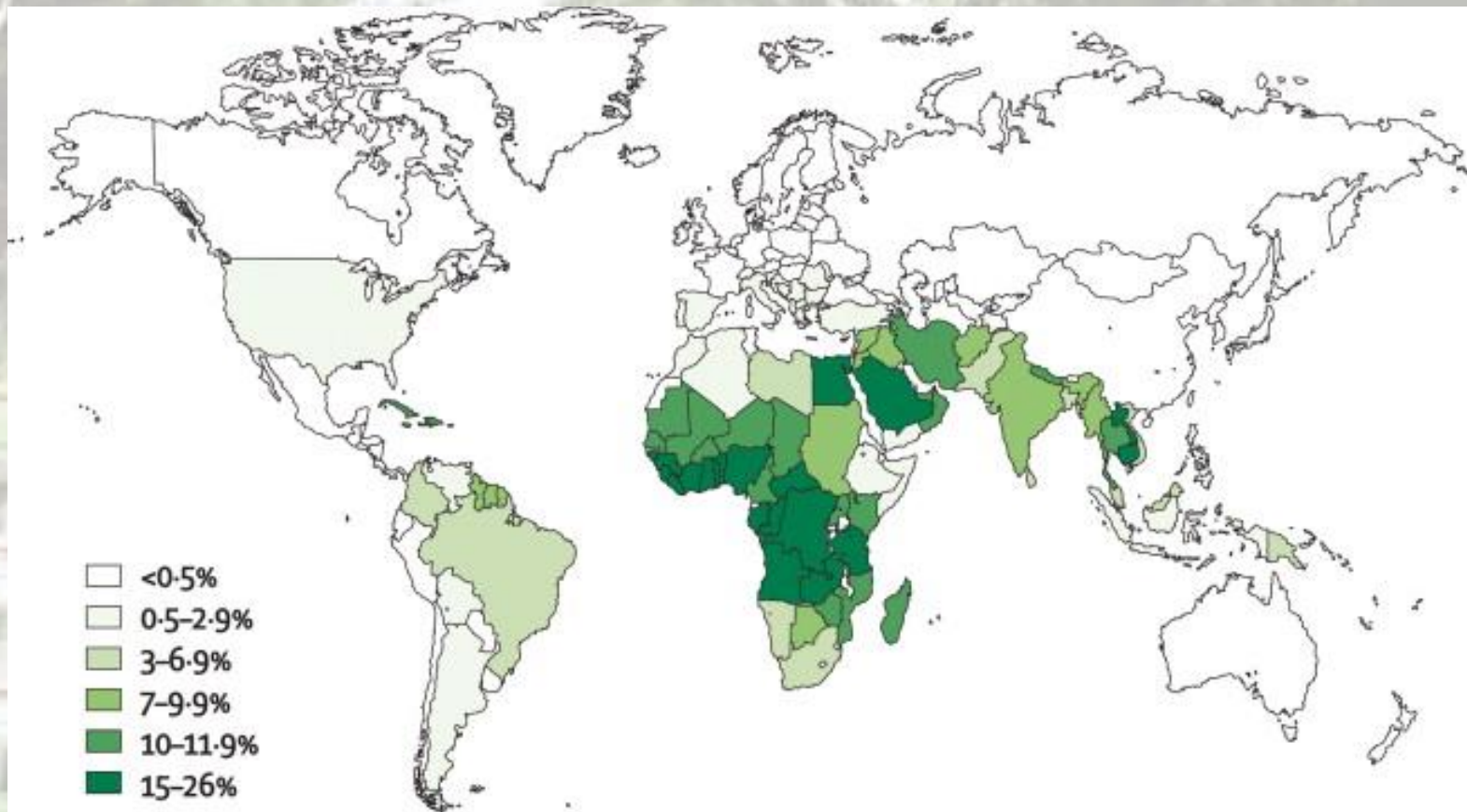
**Tế bào  
hồng cầu  
bình  
thường,  
nguyên vẹn**



**Hồng cầu bị vỡ**



# Tần suất mắc bệnh Thiếu G6PD



Gặp nhiều nhất ở người Châu Phi  
( vùng màu xanh lá đậm)

# Nguy cơ mắc bệnh

- Thiếu men G6PD là một bệnh di truyền liên kết với giới tính (nhiễm sắc thể X) nên nam giới có khả năng mắc bệnh cao hơn nữ giới.
- Nữ giới: để mắc bệnh cần có bất thường trên cả 2 nhiễm sắc thể giới tính (tức di truyền gen bệnh từ cả ba và mẹ)



# Hồng cầu vỡ gây hậu quả gì?

- Tế bào hồng cầu bị vỡ đưa đến hiện tượng **tán huyết**.  
Tán huyết kéo dài sẽ đưa đến **thiếu máu**.
- Hồng cầu khi bị vỡ sẽ phóng thích vào trong máu chất Bilirubin tự do làm em bé bị **vàng da và vàng mắt** do nồng độ Bilirubin trong máu tăng cao. Nếu bilirubin tự do ứ nhiều sẽ thấm vào não gây ra biến chứng thần kinh không hồi phục sẽ ảnh hưởng đến phát triển trí não của bé về sau (**vàng da nhân**).



Trẻ bị vàng da, thiếu máu do tán huyết (thiếu men G6PD)



# Có chữa khỏi bệnh Thiếu men G6PD?

- Hiện tại chưa có phương pháp chữa hết bệnh Thiếu G6PD.
- Nhưng có nhiều phương pháp để phòng ngừa các hậu quả của bệnh. Khi được phòng ngừa tốt, trẻ vẫn sống và phát triển khỏe mạnh như bạn cùng trang lứa.



# Phòng ngừa hậu quả của Thiếu men G6PD

- Tránh dùng các loại thuốc có thể gây tán huyết cho bé bệnh Thiếu G6PD (xem danh sách thuốc ở trang sau)
- Tránh ăn đậu tằm (fava) và thức ăn chế biến từ đậu tằm.
- Khi bị nhiễm siêu vi, nhiễm trùng (cảm, ho, sốt, ...) cần đi khám bác sĩ để dùng thuốc đúng và phát hiện sớm tán huyết.

# Các loại thuốc cần tránh dùng cho người bệnh Thiếu G6PD

NGUY CƠ CAO GÂY TÁN HUYẾT		CÓ THỂ GÂY TÁN HUYẾT	
NHÓM THUỐC	TÊN THUỐC	NHÓM THUỐC	TÊN THUỐC
<b>Anthelmintics</b> <b>Tẩy giun</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• <math>\beta</math>-Naphthol</li> <li>• Niridazole</li> <li>• Stibophen</li> </ul>	<b>Analgesics</b> <b>Giảm đau</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Acetylsalicylic acid (Aspirin)</li> <li>• Acetanilide</li> <li>• Paracetamol (Acetaminophen)</li> <li>• Aminophenazone (Aminopyrine)</li> <li>• Dipyron (Metamizole)</li> <li>• Phenacetin</li> <li>• Phenazone (Antipyrine)</li> <li>• Phenylbutazone</li> <li>• Tiaprofenic acid</li> </ul>
<b>Antibiotics</b> <b>Kháng sinh</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Nitrofurans               <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nitrofurantoin</li> <li>- Nitrofurazone</li> </ul> </li> <li>• Quinolones               <ul style="list-style-type: none"> <li>- Ciprofloxacin</li> <li>- Moxifloxacin</li> <li>- Nalidixic acid</li> <li>- Norfloxacin</li> <li>- Ofloxacin</li> </ul> </li> <li>• Chloramphenicol</li> <li>• Sulfonamides               <ul style="list-style-type: none"> <li>- Co-trimoxazole (Sulfamethoxazole + Trimethoprim)</li> <li>- Sulfacetamide</li> <li>- Sulfadiazine</li> <li>- Sulfadimidine</li> <li>- Sulfamethoxazole</li> <li>- Sulfanilamide</li> <li>- Sulfapyridine</li> <li>- Sulfasalazine (Salazosulfapyridine)</li> <li>- Sulfisoxazole (Sulfafurazole)</li> </ul> </li> </ul>	<b>Antibiotics</b> <b>Kháng sinh</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Furazolidone</li> <li>• Streptomycin</li> <li>• Sulfonamides               <ul style="list-style-type: none"> <li>- Sulfacytine</li> <li>- Sulfaguanidine</li> <li>- Sulfamerazine</li> <li>- Sulfamethoxypridazole</li> </ul> </li> </ul>
		<b>Anticonvulsants</b> <b>Chống co giật</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Phenytoin</li> </ul>
		<b>Antidiabetics</b> <b>Đái tháo đường</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Glibenclamide</li> </ul>
		<b>Antidotes</b> <b>Thuốc giải độc</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Dimercaprol (BAL)</li> </ul>
		<b>Antihistamines</b> <b>Kháng histamin</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Antazoline (Antistine)</li> <li>• Diphenhydramine</li> <li>• Tripeleminamine</li> </ul>
<b>Antimalarials</b> <b>Thuốc trị sốt rét</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Mepacrine</li> <li>• Pamaquine</li> <li>• Pentaquine</li> <li>• Primaquine</li> </ul>	<b>Antihypertensives</b> <b>Thuốc hạ áp</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Hydralazine</li> <li>• Methyldopa</li> </ul>



# Các loại thuốc cần tránh dùng cho người bệnh Thiếu G6PD

NGUY CƠ CAO GÂY TÁN HUYẾT

CÓ THỂ GÂY TÁN HUYẾT

NHÓM THUỐC

TÊN THUỐC

NHÓM THUỐC

TÊN THUỐC

<b>Antimethemoglobinaemic Agents</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Methylene blue</li> </ul>	<b>Antimalarials</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Chloroquine &amp; derivatives</li> <li>Proguanil</li> <li>Pyrimethamine</li> <li>Quinidine</li> <li>Quinine</li> </ul>
<b>Antimycobacterials</b> <b>Kháng sinh</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Dapsone</li> <li>Para-aminosalicylic acid</li> <li>Sulfones                             <ul style="list-style-type: none"> <li>Aldesulfone sodium (Sulfoxone)</li> <li>Glucosulfone</li> <li>Thiazosulfone</li> </ul> </li> </ul>	<b>Trị sốt rét</b>	
		<b>Antimycobacterials</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Isoniazid <b>Kháng sinh</b></li> </ul>
		<b>Antiparkinsonism Agents</b> <b>Thuốc trị Parkinson</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Trihexyphenidyl (Benzhexol)</li> </ul>
<b>Antineoplastic Adjuncts</b> <b>Thuốc trị ung thư</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Doxorubicin</li> <li>Rasburicase</li> </ul>	<b>Cardiovascular Drugs</b> <b>Thuốc tim mạch</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Dopamine (L-dopa)</li> <li>Procainamide</li> <li>Quinidine</li> </ul>
<b>Genitourinary Analgesics</b> <b>Giảm đau đường tiết niệu</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Phenazopyridine (Pyridium)</li> </ul>	<b>Diagnostic Agent for Cancer Detection</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Toluidine blue</li> <li><b>Chất phát hiện ung thư</b></li> </ul>
<b>Others</b> <b>Khác</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Acetylphenylhydrazine</li> <li>Phenylhydrazine</li> </ul>	<b>Gout Preparations</b> <b>Thuốc trị gout</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Colchicine</li> <li>Probenecid</li> </ul>
		<b>Hormonal Contraceptives</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Mestranol <b>Thuốc ngừa thai</b></li> </ul>
		<b>Nitrates</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Isobutyl nitrite</li> </ul>
		<b>Vitamin K Substance</b> <b>Vitamin K</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Menadiol Na sulfate</li> <li>Menadione</li> <li>Menadione Na bisulfite</li> <li>Phytomenadione</li> </ul>
		<b>Vitamins</b> <b>Vitamin C (hiếm)</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Ascorbic acid (Vit C) (rare)</li> </ul>
		<b>Others</b> <b>Khác</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Arsine</li> <li>Berberine (in <i>Coptis chinensis</i>)</li> <li>Fava beans</li> <li>Naphthalene (in mothballs)</li> <li>Para-aminobenzoic acid</li> </ul>

# Tránh dùng đậu tằm (fava bean)



# Tránh dùng đậu tằm (fava bean)





# Phân biệt các loại đậu

Ngoại trừ đậu tằm, người bị Thiếu men G6PD vẫn có thể ăn các loại đậu khác

**Đậu dậu tằm**  
(*Vicia faba*)



**Đậu tương**  
(*Glycine max*)



**Đậu phộng**  
(*Arachis hypogaea*)



**Đậu xanh**  
(*Vigna radiata*)



**Đậu Hà Lan**  
(*Pisum sativum*)



# Các tên gọi khác của đậu tằm

- Khi ăn đậu, thức ăn chế biến từ đậu; phụ huynh nên xem thành phần là gì để tránh dùng.

<b>Tiếng Anh</b>	Fava, brad bean	<b>Hy Lạp</b>	Koukia
<b>Tiếng Ả rập</b>	Foolle	<b>Ý</b>	Fava
<b>Tiếng Catalan</b>	Fava	<b>Mã Lai</b>	Kacang Parang
<b>Tiếng Hoa</b>	Tzan-doo	<b>Tây Ban Nha</b>	Hava
<b>Hà Lan</b>	Tuinboon	<b>Thổ Nhĩ Kỳ</b>	Bakla
<b>Farsi (Persian)</b>	Ba-ghe-Leh	<b>Pakistan, Ấn Độ</b>	Lobhiya, Rajma, Jheam
<b>Pháp</b>	Fève	<b>Đức</b>	Favabohnen, Dicke Bohnen, Saubohnen

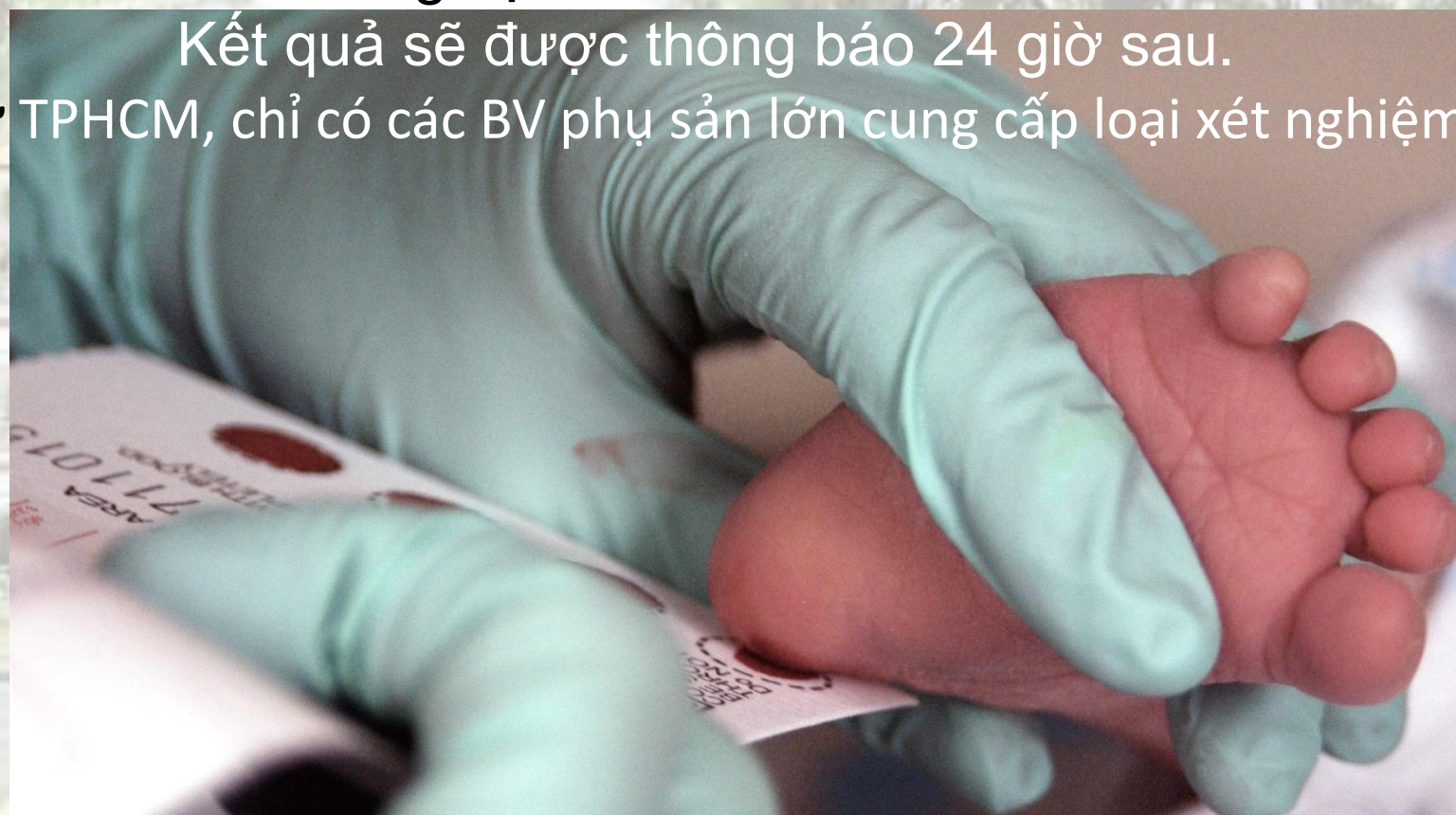


# Cách phát hiện trẻ thiếu men G6PD

Sau sinh khoảng 36-48 giờ, bé sẽ được lấy mẫu máu ở gót chân hay bàn tay thắm vào giấy lấy mẫu máu để làm xét nghiệm tầm soát thiếu men G6PD.

Kết quả sẽ được thông báo 24 giờ sau.

(Hiện ở TPHCM, chỉ có các BV phụ sản lớn cung cấp loại xét nghiệm này)





# Thế hệ kế tiếp có bị Thiếu men G6PD?

Thế hệ 1	Thế hệ 2
<b>Mẹ bị thiếu men G6PD</b> <b>Cha không bị thiếu men G6PD</b>	Sinh con trai bị thiếu men G6PD Sinh con gái mang gen bệnh
<b>Cả mẹ và cha đều bị thiếu men G6PD</b> <b>(hiếm gặp)</b>	Sinh con trai, gái đều bị thiếu men G6PD
<b>Cha bị thiếu men G6PD</b> <b>Mẹ không bị thiếu men G6PD, không mang gen bệnh.</b>	Sinh con trai khỏe mạnh (KHÔNG bị thiếu men G6PD) Sinh con gái: không bị thiếu men G6PD nhưng có mang gen bệnh.
<b>Cha bị thiếu men G6PD</b> <b>Mẹ không bị thiếu men G6PD, có mang gen bệnh</b>	Con trai: bị thiếu men G6PD hoặc khỏe mạnh. Con gái: có 2 khả năng xảy ra + bị thiếu men G6PD hoặc + không bị thiếu men G6PD nhưng có mang gen bệnh.
<b>Mẹ mang gen bệnh</b> <b>Cha không bị thiếu men G6PD</b>	Con trai: khỏe mạnh hoặc bị thiếu men G6PD Con gái: có 2 khả năng xảy ra + không bị thiếu men G6PD, không mang gen bệnh + không bị thiếu men G6PD nhưng có mang gen bệnh.